

BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu
(Kèm theo Công văn số: 3868/SGDDT-KHTC ngày 09/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
I	Chương I. Quy định chung	
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu <i>(sau đây gọi tắt là Chương trình)</i> áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030. Điều 2. Đối tượng áp dụng Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.	Cơ sở đề xuất: Căn cứ quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030; và sự phù hợp với mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức bộ máy của địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh.
II	Chương II. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương	
	Điều 3. Nguyên tắc phân bổ 1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm. 2. Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026-2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao. 3. Không bố trí trùng lặp về nội dung, đối tượng, phạm vi đầu tư với nhiệm vụ đã được ngân sách nhà nước bảo đảm từ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án hoặc nguồn kinh phí khác. Trường hợp một dự án sử dụng nhiều nguồn vốn, phải xác định rõ nội dung, khối lượng và cơ cấu từng nguồn vốn.	Cơ sở đề xuất: Căn cứ, cụ thể hóa quy định tại Điều 3 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

TT	Nội dung dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	4. Việc phân bổ vốn bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình, kế hoạch hằng năm, mức độ ưu tiên, tính cấp thiết của từng nhóm nhiệm vụ, khả năng triển khai thực hiện và giải ngân; tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm, tránh dàn trải. 5. Trường hợp nhu cầu vốn thực tế thấp hơn mức ngân sách dự kiến hỗ trợ tối đa theo các tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết này, cơ quan có thẩm quyền thực hiện phân bổ theo nhu cầu vốn thực tế. Phần vốn chênh lệch còn dư được tổng hợp để điều phối, bổ sung cho các sở, ban, ngành tỉnh, cấp xã, đơn vị thụ hưởng có khả năng triển khai, sử dụng vốn hiệu quả hoặc các địa bàn có nhu cầu đầu tư cấp bách, phát sinh đột xuất, ưu tiên giải quyết dứt điểm thực trạng phòng học tạm, phòng học nhờ, mượn trong phạm vi Chương trình. 6. Trường hợp nhu cầu vốn thực tế vượt quá mức ngân sách hỗ trợ tối đa tính toán theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức của Chương trình, sở, ban, ngành tỉnh, cấp xã và đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm tự cân đối, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm bảo đảm hoàn thành toàn bộ quy mô đầu tư của dự án đã được phê duyệt, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản. 7. Trường hợp có chia tách, sáp nhập cơ sở giáo dục hằng năm trong giai đoạn, việc phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục mới thực hiện theo nguyên tắc: a) Đối với các cơ sở giáo dục mới được sáp nhập từ hai cơ sở trở lên, phân bổ ngân sách bằng tổng mức vốn đã phân bổ cho các cơ sở trước khi sáp nhập bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động, dự án của Chương trình liên tục, có tính kế thừa, không gián đoạn. b) Đối với các cơ sở giáo dục mới được chia tách, phân bổ ngân sách tương ứng theo các nhiệm vụ, nội dung, hoạt động, dự án được phân chia từ cơ sở trước chia tách cho cơ sở mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 8. Các địa phương ưu tiên sử dụng ngân sách hỗ trợ để: a) Ưu tiên sử dụng vốn để giải quyết tình trạng phòng học tạm, phòng học mượn; hoàn thiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục mầm non, phổ thông. b) Thực hiện các hạng mục công trình cấp bách, thiết yếu; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định, có khả năng giải ngân tốt; các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong kỳ kế hoạch để sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. 9. Trường cao đẳng được đầu tư phải thuộc danh mục các cơ sở được lựa chọn tham gia Chương trình và bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận đầu tư.	
	Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách trung ương cho giáo dục mầm non, phổ thông công lập	Cơ sở đề xuất: Căn cứ, cụ thể hóa quy định tại Điều 4 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg

TT	Nội dung dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	1. Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ vốn đầu tư công ngân sách trung ương cho cấp xã thực hiện Chương trình. a) Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Hệ số định lượng về thực trạng cơ sở vật chất được xác định như sau: $P_{kch,j}$: Số lượng phòng học tạm, nhờ mượn, cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa của xã j; $P_{pcgd,j}$: Số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày của xã j; $P_{thieu,j}$: Số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với xã j. b) Mức độ ưu tiên để hoàn thành các công trình trong giai đoạn được bố trí vốn. Hệ số định lượng về mức độ ưu tiên được xác định như sau: α: Hệ số trọng số đối với việc kiên cố hóa trường, lớp học, quy định $\alpha = 1,3$; β: Hệ số trọng số đối với việc thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày, quy định $\beta = 1,2$; γ: Hệ số trọng số đối với việc đầu tư bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu, quy định $\gamma = 1,0$. c) Mức độ khó khăn của địa bàn, bao gồm các yếu tố về điều kiện địa lý, địa hình, khí hậu, khoảng cách vận chuyển, điều kiện thi công, suất đầu tư xây dựng và các yếu tố chi phí khác có liên quan. Hệ số ưu tiên theo vùng miền K_j được xác định như sau: $K_j = 1,2$: Áp dụng đối với các xã khu vực III được quy định tại Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. $K_j = 1,0$: Áp dụng đối với các xã còn lại thuộc đối tượng hỗ trợ. 2. Phương pháp xác định mức vốn phân bổ cho từng xã a) Cách tính tổng số điểm định mức quy đổi của cấp xã j (T_j) Tổng số điểm định mức quy đổi của cấp xã j (T_j) được tính toán dựa trên thực trạng cơ sở vật chất thực tế kết hợp với các hệ số ưu tiên về vùng miền và khả năng cân đối ngân sách, cụ thể như sau: $T_j = [(P_{kch,j} \times \alpha) + (P_{pcgd,j} \times \beta) + (P_{thieu,j} \times \gamma)] \times K_j$ b) Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp xã j (V_j) được xác định theo công thức sau:	ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

TT	Nội dung dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	$V_j = \left(\frac{T_j}{\sum_{j=1}^n T_j} \right) \times V_{D1}$ Trong đó: V_j: Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp xã j trong giai đoạn kế hoạch; V_{D1}: Tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền phê duyệt phân bổ cho giáo dục mầm non, phổ thông của Chương trình trong kỳ kế hoạch cho các xã thuộc tỉnh Lai Châu; T_j: Tổng số điểm định mức quy đổi của cấp xã j; $\sum_{j=1}^n T_j$: Tổng số điểm định mức quy đổi của tất cả các xã thuộc đối tượng được ngân sách trung ương hỗ trợ trên địa bàn tỉnh (n là tổng số xã được hỗ trợ). 3. Căn cứ xác định số liệu a) Khối lượng danh mục đầu tư đối với các hạng mục công trình, trang thiết bị dạy học tối thiểu và thứ tự ưu tiên bố trí vốn được xác định trên cơ sở tổng hợp nhu cầu thực tế của từng cấp xã, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, quy mô và nội dung đầu tư quy định tại Quyết định phê duyệt Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. b) Căn cứ theo danh sách các xã tự cân đối được ngân sách và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các xã. c) Các cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo làm căn cứ để tính toán định mức phân bổ vốn, các số liệu này được chốt tại thời điểm ngày 30 tháng 8 năm 2026 và áp dụng ổn định cho cả giai đoạn 2026 - 2030	
	Điều 5. Tiêu chí và phương pháp phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương cho cấp xã 1. Tiêu chí, hệ số phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương cho từng cấp xã để thực hiện Chương trình a) Tiêu chí theo quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình trên địa bàn. Quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục là tổng số lượng về nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục thuộc đối tượng bồi dưỡng, tập huấn của Chương trình: hệ số ưu tiên là 1,3; Quy mô người học là tổng số lượng người học thuộc đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách của Chương trình: hệ số ưu tiên là 1,0. b) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo năng lực bồi dưỡng, tập huấn, thí điểm các mô hình về chuyển đổi	Cơ sở đề xuất: Căn cứ, cụ thể hóa quy định tại Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

TT	Nội dung dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	số, ứng dụng AI có kiểm soát, dạy và học bằng tiếng Anh, giáo dục STEM/STEAM, phát triển tài năng, khởi nghiệp sáng tạo ($H_{thi_diem,j}$). Triển khai từ 02 trường thí điểm trở lên: hệ số 2,0; Triển khai 01 trường thí điểm: hệ số 1,0. c) Tiêu chí, hệ số tính điểm theo điều kiện tổ chức thực hiện nhiệm vụ mức độ khó khăn của địa bàn Hệ số địa bàn ($H_{dia_ban,j}$): Các xã thuộc xã đặc biệt khó khăn, áp dụng $H_{dia_ban,j} = 1,2$; các xã còn lại áp dụng $H_{dia_ban,j} = 1,0$. 2. Phương pháp xác định kinh phí thường xuyên phân bổ cho từng cấp xã: a) Phương pháp xác định tổng điểm định mức quy đổi của cấp xã j ($T_{tx,j}$): $T_{tx,j} = [(Q_{doi_ngu,j} \times 1,3) + (Q_{nguoi_hoc,j} \times 1,0)] \times H_{dia_ban,j} \times H_{thi_diem,j}$ Trong đó: $Q_{doi_ngu,j}$: Tổng quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục thuộc đối tượng bồi dưỡng, tập huấn của Chương trình của xã j; $Q_{nguoi_hoc,j}$: Tổng quy mô người học thuộc đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách của Chương trình của xã j. b) Phương pháp xác định mức kinh phí phân bổ cho cấp xã j ($K_{tx,j}$) Trong đó: K_{Tong} là tổng kinh phí thường xuyên của Chương trình giao cho cấp xã thuộc tỉnh Lai Châu được cấp có thẩm quyền phê duyệt; $T_{tx,j}$ là tổng điểm định mức quy đổi của cấp xã j; $\sum_{j=1}^n T_{tx,j}$ là tổng điểm của tất cả các xã được hỗ trợ. 3. Căn cứ xác định số liệu a) Số lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục thuộc đối tượng bồi dưỡng, tập huấn của Chương trình dựa trên báo cáo đề xuất của cấp xã. b) Số lượng người học thuộc đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách của Chương trình dựa trên báo cáo đề xuất của cấp xã. c) Số lượng cơ sở giáo dục được lựa chọn tham gia thí điểm các mô hình dựa trên báo cáo đề xuất của cấp xã. d) Cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, minh bạch của các số liệu minh chứng đầu vào làm căn cứ để tính toán định mức phân bổ vốn, các số liệu này được chốt tại thời điểm ngày 30 tháng 8 năm 2026 và áp dụng ổn định cho cả giai đoạn 2026 - 2030.	
	Điều 6. Tiêu chí phân bổ ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành 1. Ngân sách trung ương bố trí cho các sở, ban, ngành để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:	Cơ sở đề xuất: Căn cứ, cụ thể hóa quy định tại Điều 8 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng

TT	Nội dung dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	a) Nhiệm vụ của Chương trình do các sở, ban, ngành được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt. b) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của các sở, ban, ngành; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các sở, ban, ngành. c) Đối với vốn đầu tư công, việc phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này và số lượng cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của cấp có thẩm quyền; danh mục dự án, đối tượng thụ hưởng, quy mô đầu tư, nhu cầu vốn, tiến độ thực hiện, khả năng giải ngân và khả năng hoàn thành trong kỳ kế hoạch của các dự án thuộc Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. d) Đối với kinh phí thường xuyên, việc phân bổ căn cứ khối lượng nhiệm vụ, nội dung chi, định mức chi, chế độ chi tiêu hiện hành, tiến độ thực hiện và dự toán ngân sách trung ương hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. đ) Kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả giải ngân vốn của sở, ban, ngành trong giai đoạn trước hoặc các năm trước liền kề và đến thời điểm ngày 30 tháng 8 hằng năm. 2. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ cụ thể kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương trung hạn, hằng năm và dự toán chi ngân sách trung ương hằng năm cho sở, ban, ngành để thực hiện Chương trình, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.	Chính phủ.
	Điều 7. Định mức phân bổ ngân sách trung ương Căn cứ tổng kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ: 1. Đối với vốn giao cho các sở, ban, ngành tỉnh: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết để thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung, dự án của Chương trình; đảm bảo không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác. 2. Đối với vốn giao cho các xã: giao HĐND cấp xã quyết định phân bổ chi tiết để thực hiện các nội dung, dự án trên địa bàn đảm bảo không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác 3. Đối với Trường Cao đẳng Lai Châu phân bổ không vượt quá tổng vốn đầu tư công được cấp	Cơ sở đề xuất: Căn cứ, cụ thể hóa quy định tại Điều 9 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

TT	Nội dung dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	có thẩm quyền giao tỉnh Lai Châu quản lý, phân bổ cho trường cao đẳng thuộc Dự án thành phần 2 trong kỳ kế hoạch.	
III	Chương III. Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương	
	Điều 8. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách của địa phương 1. Việc bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình phải bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công; đúng mục tiêu, nội dung của Chương trình gắn với khả năng cân đối ngân sách của địa phương; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch và không trùng lặp với các nguồn vốn khác. 2. Vốn đối ứng ngân sách địa phương bao gồm: Nguồn ngân sách địa phương trực tiếp thực hiện Chương trình; nguồn ngân sách địa phương thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ có cùng mục tiêu, nội dung và đối tượng thụ hưởng với Chương trình trên địa bàn tỉnh. 3. Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách địa phương giai đoạn 5 năm; cân đối vốn đối ứng ngân sách địa phương trực tiếp thực hiện Chương trình hằng năm cho Ủy ban nhân dân các phường, các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Điều 9. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương 1. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình là 19,36% trên tổng mức ngân sách trung ương hỗ trợ. 2. Tỷ lệ vốn đối ứng của trường cao đẳng thực hiện Chương trình là 5% trên tổng mức ngân sách trung ương hỗ trợ.	Cơ sở đề xuất: Căn cứ, cụ thể hóa quy định tại Điều 10, Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với phương án đề xuất tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được tính theo công thức: Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương = Tỷ lệ % vốn đối ứng tối thiểu áp dụng chung cho toàn Chương trình theo cơ cấu nguồn vốn quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15 (25,82%) x Địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối so với tổng chi ngân sách địa phương từ 60% đến dưới 80% (0,75); dự kiến vốn đối ứng là 19,36% trên tổng mức ngân sách Trung ương hỗ trợ.
IV	Chương IV. Điều khoản thi hành	
	Điều 10. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết Điều 11. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026. <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.</i>	